

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P11+P8	7:25	4+1+17	0+0+0		1+3+16	0+0+0	
2		MRM+RC4+RCDM	7:25	21+0+0	0+0+0		17+1+2	0+0+0	
3		PVD1+BK10+P2	7:25	21+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	chuyen 1 pvd1-bk10(CLO)
4		TD2+RC10+RP3	9:25	14+0+8	0+0+0		5+1+16	0+0+0	
5		BK3+BK9+TD2	9:25	3+9+10	0+0+0		1+0+19	0+0+0	
6		P1+MRM+TD3	11:25	0+10+11	0+0+0		1+3+13	0+0+0	
7		P9+P8+PVD1	11:25	4+4+13	0+0+0		1+4+15	0+0+0	

TTDĐSX

1/ Đi về Rp2 qua Td2, 1 người tau HSA về qua TD2
2/3 người P8 đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2023	TO: CTK3 - P11 - P8	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-1			

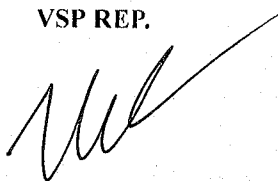
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SỸ TOÀN	CTK3					77	D-HANH	Vietnamese
2	HUYNH LÊ THIÊN CHINH	CTK3	09	1	4	50	71	D-HANH	Vietnamese
3	TẠ VĂN CUÔNG	CTK3	08	1	6		64	D-HANH	Vietnamese
4	PHẠM HUU TUNG	CTK3					75	SANBAY	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SOAI	P11	02	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P8					78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG THUY	P8					66	KHOAN	Vietnamese
8	CAO ĐÌNH THANH	P8	71	1	3	20	59	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẬU VĂN MINH	P8					76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HẬU	P8	67	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU NAM	P8	65	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUYNH	P8	95	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NHẬT QUANG	P8	70	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P8	68-69	2	12		69	KHOAN	Vietnamese
15	ZHDANOV VLADIMIR	P8	99	1	18		129	KHOAN	Russian
16	LÊ TRƯỞNG SA	P8	200	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PASHANOV	P8	98	1	3		108	KH-THAC	Russian
18	PHAN QUỐC KHANH	P8					75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TUYẾN	P8					62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN QUANG	P8	96	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
21	BUI NGỌC TU	P8	66	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ HỮU HÙNG	P8	97	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

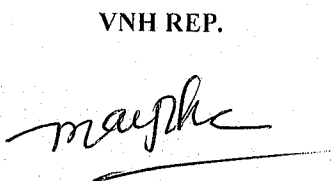
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	2	10	287	50	1		
2	P11	1	1	9	75	0	3		
3	P8	17	13	85	1.283	20	16		
TOTAL		22	16	104	1.645	70	20		
WEIGHT KG				104	1.645	70			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

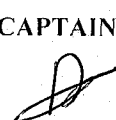
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2023	TO: MRM - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIÊN - ĐNam - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TIKHONOV EVGENY	MRM	47	1	10		110	AMNGR	Russian
2	NIKOLAEV GENNADY	MRM	38	1	14		84	AMNGR	Russian
3	KONANOV IVAN	MRM	25	1	6		67	AMNGR	Russian
4	RAKHMANOV SERGEI	MRM	26	1	7		65	AMNGR	Russian
5	KIRICHENKO K.P.	MRM	31	1	14		78	KHOAN	Russian
6	TRAN CHINH CUONG	MRM	39	1	10		70	PSV	Vietnamese
7	TRAN VAN GIANG	MRM	42-43	2	10		85	PSV	Vietnamese
8	PETEL SERGEI	MRM	27	1	12		92	AMNGR	Russian
9	GILAEV AZAT	MRM	33	1	10		100	AMNGR	Russian
10	NIKULIN ALEXANDER	MRM	34	1	16		85	AMNGR	Russian
11	ISAKOV ALEKSEI	MRM	28	1	14		104	AMNGR	Russian
12	KURSHEV SERGEI	MRM	37	1	12		76	AMNGR	Russian
13	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	35	1	14		85	AMNGR	Russian
14	KAZACHKOV DENIS	MRM	32	1	13		105	AMNGR	Russian
15	ROIK NIKOLAI	MRM	36	1	10		90	AMNGR	Russian
16	NGUYEN VAN PHUC	MRM	29-30	2	20		79	PHUC NGU	Vietnamese
17	LUU HOANG	MRM	41	1	10		55	PHUC NGU	Vietnamese
18	LE THE CONG	MRM	46	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
19	LUONG HUNG TRIET	MRM	44	1	15		60	KHOAN	Vietnamese
20	MAI THE HIEN	MRM	40	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
21	BUI QUANG TUYNH	MRM	45	1	7		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

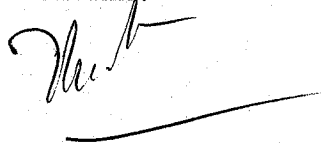
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	21	23	244	1.706	0	17		
2	RC4	0	0	0	0	0	1		
3	RCDM	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	23	244	1.706	0	20		
WEIGHT KG				244	1.706	0			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

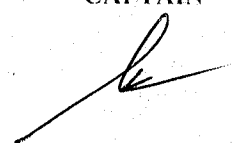
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



xin tài pc

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: PVD1 - BK10 - P2	CREW: Nam - HTrung - HIẾU	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG CHỨC	PVD1	93	1	5		70	PVD DD	Vietnamese
2	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	PVD1	03	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	86-87	2	10		75	PVD DD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN NHANH	PVD1	96	1	5		80	PVDO	Vietnamese
5	LÊ VĂN VIỆT	PVD1	94	1	5		82	PVDO	Vietnamese
6	PHẠM TRỌNG ANH	PVD1	05	1	5		59	PVDO	Vietnamese
7	ĐAM VĂN HÙNG	PVD1	90	1	5		53	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC HƯƠNG	PVD1	95	1	5		63	PVDO	Vietnamese
9	PHẠM HỮU MẠNH	PVD1	97	1	5		75	PVDO	Vietnamese
10	BUI SỸ TRƯỞNG	PVD1	04	1	5		60	PVDO	Vietnamese
11	TRẦN ANH	PVD1	92	1	5		65	PVDO	Vietnamese
12	NGUYỄN LINH	PVD1	400	1	5		70	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	PVD1	08	1	5		70	PVDO	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THIẾT	PVD1	99	1	5		75	PVDO	Vietnamese
15	PHAN HOÀI NIỆM	PVD1	98	1	5		75	PVDO	Vietnamese
16	NGUYỄN KHẮC TRIỀU	PVD1	91	1	5		70	PVDO	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THANH	PVD1	88	1	5		59	PVDO	Vietnamese
18	ĐOÀN QUỐC VIỆT	PVD1	89	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG PHONG	PVD1	09	1	5		74	PSV	Vietnamese
20	NGO THANH TRUNG	PVD1	01-02	2	12		76	SWI	Vietnamese
21	NGUYEN THAI SON	PVD1	06-07	2	18		75	SWI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	24	130	1.496	0	18	4	CHUYỂN 01 PAX TỪ PVD1 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	0		
3	P2	0	0	0	0	46	4		
TOTAL		21	24	130	1.496	46	22		
WEIGHT KG				130	1.496	46			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: TD2 - RC10 - RP3	CREW: CHIẾN - ĐNam - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

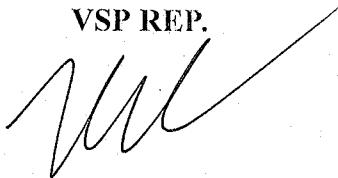
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN CHÍNH	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
2	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	12	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC DUNG	TD2	09	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VĂN BẮC	TD2	04	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	ĐO VĂN CUÔNG	TD2	05	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGỌC ĐO	TD2	800	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	08	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	07	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	13	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	TD2	14	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGHĨA	TD2	03	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN LAM GIANG	TD2	01-02	2	13		76	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VĂN QUYẾT	TD2	06	1	12		86	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	TD2	10-11	2	14		80	PVDWS	Vietnamese
15	NGO VĂN TUẤN	RP3	41-42	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN VINH	RP3	45-46	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
17	HỒ SỸ TRUNG	RP3	43-44	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP3	47-48	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN PHU NAM	RP3	49	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO DẠNH NGỌC	RP3	50-51	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
21	VÕ QUỐC TUẤN	RP3	52	1	10	15	85	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG VINH	RP3	54-56	3	20		80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

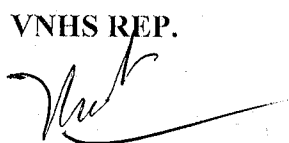
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	15	97	1.084	0	5		
2	RC10	0	0	0	0	0	1		
3	RP3	8	15	126	578	15	16		
TOTAL		22	30	223	1.662	15	22		
WEIGHT KG				223	1.662	15			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2023	TO: BK3 - BK9 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Nam - M.Đức - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUAN TRUONG	BK3	57	1	5		76	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HO QUANG	BK3	56	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM QUANG TRUONG	BK3	62	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN TUAN DAT	BK9	80	1	5		88	XAYLAP	Vietnamese
5	QUACH XUAN THUONG	BK9	76,700	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
6	LE DINH HOAN	BK9	95-96	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VAN THOONG	BK9	93-94	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC THO	BK9	97-98	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
9	TRINH THANH GIANG	BK9	92	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN SY	BK9	90-91	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN TUYEN	BK9	99	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
12	DO TRONG LUONG	BK9	88-89	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM HONG MINH	TD2	42	1	13		78	PVDWS	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC DƯƠNG	TD2	50	1	7		60	PVDTECH	Vietnamese
15	HỒ NGUYỄN THAI BÌNH	TD2	53	1	5		82	PVDTECH	Vietnamese
16	LIM KEH TECK	TD2	51-52	2	17		88	THUNDER	Malaysian
17	DUONG QUOC VIET	TD2	44-45	2	10		82	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG MINH PHUC	TD2	57	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	VU TUAN ANH	TD2	49	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
20	VU NGOC TIEN	TD2	46	1	5	50	65	DVL	Vietnamese
21	TRAN DAI HUNG	TD2	43	1	7		70	DVL	Vietnamese
22	DANG VIET CUONG	TD2	47-48	2	12		70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	3	3	27	208	0	1		
2	BK9	9	15	124	613	0	0		
3	TD2	10	13	87	745	50	19		
TOTAL		22	31	238	1.566	50	20		
WEIGHT KG				238	1.566	50			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	TO: MRM - TD3	CREW: Hạnh - NPhú - Thành	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	MRM	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN NGOC TIEN	MRM	83	1	10		60	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HUU TUYEN	MRM	81	1	10		60	DVL	Vietnamese
4	LA QUY DANH	MRM	82	1	5		65	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG SƠN	MRM	80	1	7		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI HIỆU	MRM	73	1	5		68	PSV	Vietnamese
7	LE HUU NGHIA	MRM	78	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	PHẠM NGOC QUÂN	MRM	74	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	76-77	2	15		75	AMNGR	Russian
10	DIACHUK DMITRII	MRM	75	1	5		72	AMNGR	Russian
11	ĐINH CHIẾN THẮNG	TD3	49	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG BA ĐỨC	TD3	42-43	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ MINH KHANH	TD3	50,56	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN DANH HẠNH	TD3	44	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC THẠCH	TD3	47-48	2	15	35	63	XAYLAP	Vietnamese
16	TRÌNH VĂN BÀU	TD3	40-41	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KIẾN	TD3	37-39	3	19		72	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC HÙNG	TD3	51-53	3	19		76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TÀI	TD3	45-46	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HÀM CHUNG	TD3	57-58	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐIỀU VĂN THÔNG	TD3	54-55	2	19		66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

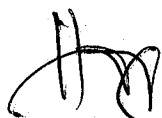
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	40	44	72	690	0	3		
2	TD3	44	22	182	772	35	13		
TOTAL		21	33	254	1.462	35	16		
WEIGHT KG				254	1.462	35			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

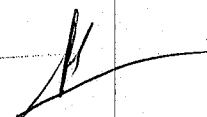
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2023	TO: P9 - P8 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Thành	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG MINH TUẤN	P9	68	1	12	8	84	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	P9	69-70	2	11	30	80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	P9	72	1	12		69	XAY LAP	Vietnamese
4	ĐỖ CÔNG PHONG	P9	71	1	8		68	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	75	1	6	5	60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HAI LONG	P8	73	1	15		78	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIỆP	P8	76-77	2	20		75	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN DẠM	P8	74	1	10		69	DVL	Vietnamese
9	HỒ DANH TUẤN	PVD1	18-19	2	7		54	SWI	Vietnamese
10	DANG QUOC KHANH	PVD1	12	1	5		62	SWI	Vietnamese
11	LE ANH NGUYEN	PVD1	20-21	2	8		67	SWI	Vietnamese
12	PHAN VAN THUY	PVD1	13	1	10		55	SWI	Vietnamese
13	NGUYỄN TÂN PHÍ	PVD1	16	1	8		61	SWI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	PVD1	28	1	8		90	PVD DD	Vietnamese
15	BUI HUY HOANG	PVD1	14-15	2	15		80	PTC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG VINH	PVD1	24-25	2	13		99	PTC	Vietnamese
17	TRƯƠNG TÂN LỘC	PVD1	17	1	10		70	PTC	Vietnamese
18	LAI VĂN DIỆN	PVD1	22-23	2	16		77	PTC	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN THÀNH	PVD1	26-27	2	15		71	PVD INVE	Vietnamese
20	LE ĐẶC VŨ	PVD1	29	1	10		80	PVD LOGG	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỆU	PVD1	10-11	2	20		86	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	4	5	43	301	38	1		
2	P8	4	5	51	282	5	4		
3	PVD1	13	20	145	952	0	15		
TOTAL		21	30	239	1.535	43	20		
WEIGHT KG				239	1.535	43			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN